

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2025

THƯ MỜI QUAN TÂM, CHÀO HÀNG

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp trang thiết bị y tế tại Việt Nam

Bệnh viện đa khoa Hà Đông đang có nhu cầu tiếp nhận thư chào hàng, để tham khảo xây dựng dự toán, thông số kỹ thuật dự toán mua sắm vật tư y tế thông dụng năm 2025 - Bệnh viện Đa khoa Hà Đông, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa Hà Đông, Số 2 – Bế Văn Đàn – Quang Trung – Hà Đông – Hà Nội.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

+ Ths. Trịnh Công Sơn – Nhân viên Phòng Vật tư TBYT

+ Điện thoại: 0975.003.262

+ Email: congson157@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá

Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bộ phận văn thư – Bệnh viện Đa khoa Hà Đông
(Số 2- Bế Văn Đàn – Quang Trung – Hà Đông- Hà Nội)

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 10h00 ngày 24/01/2025 đến trước 10h00 ngày 17/02/2025.

Lưu ý: Các báo giá nhận sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của Báo giá: Tối thiểu 90 ngày

II. Nội dung Yêu cầu báo giá, thư chào hàng

1. Danh mục mua sắm: (Theo phụ lục đính kèm)

2. Địa điểm giao hàng: Bệnh viện Đa khoa Hà Đông.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Ngay sau khi có kết quả trúng thầu và ký kết hợp đồng kinh tế.

4. Dự kiến về điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Thời hạn dự kiến



thanh toán trong vòng 60 ngày kể từ khi bàn giao đầy đủ hồ sơ chứng từ đúng quy định cho Bệnh viện. Hình thức thanh toán bằng chuyển khoản.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- BGĐ Bệnh viện
- Tổ truyền thông (để thông báo trên Website của Bệnh viện);
- Lưu: VT, VTTBYT;



GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thành Vinh

NH
+ V
KH
Đ
★

PHỤ LỤC

(Kèm theo thư mời chào hàng của Bệnh viện đa khoa Hà Đông ngày 24/01/2025)

Stt	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng
1	Bông cắt miếng y tế (2*2cm)	Gói	45.000
2	Bông không hút nước	Kg	10
3	Bông thấm nước y tế	Kg	551
4	Băng chun, băng đàn hồi các cỡ	Cuộn	1.000
5	Băng có Gạc cố định kim luân	Cái	5.000
6	Băng dán vết thương 12,5x12,5cm	Cuộn	580
7	Băng dính urgo	Cuộn	15.000
8	Băng hậu phẫu kiểm soát tiết dịch, thay thế không đau 8cm x 10cm	Miếng	300
9	Băng keo chỉ thị nhiệt	Cuộn	05
10	Băng keo cuộn co giãn	Cuộn	360
11	Băng thun cố định tự dính công nghệ cao su vi điểm 4m x 8cm	Cuộn	50
12	Băng vô trùng trong suốt, có xẻ rãnh, cố định kim luân	Miếng	5.000
13	Băng xô cuộn	Cuộn	11.080
14	Băng xô cuộn 2,5m x 10cm	Cuộn	5.000
15	Băng y tế trong suốt thoát khí 2.5cm x 9.2m	Cuộn	400
16	Banh bảo vệ đường mổ dùng 1 lần các cỡ	Miếng	250
17	Bột bó cỡ 10,2cmx3,6m	Cuộn	50
18	Màng mổ vô trùng loại 1	Miếng	300
19	Màng mổ vô trùng loại 2	Miếng	200
20	Urgo 100x70mm	Miếng	4.700
21	Urgosterile hoặc tương đương 53 x 70mm	Miếng	500
22	Vật liệu cầm máu tự tiêu (Surgicel)	Miếng	300
23	Miếng dán mi cỡ nhỏ	Miếng	500
24	Băng dính vải 5m x 2,5 cm	Cuộn	29.950
25	Gạc câu đa khoa Fi 30mm x 1 lớp vô trùng	Miếng	68.500
26	Gạc đắp vết thương 8x15cm	Miếng	600
27	Gạc hút	Mét	16.920
28	Gạc mỡ chống dính kháng khuẩn, 10x10cm	Miếng	1.750
29	Gạc phẫu thuật không dệt 7,5 x 7,5 cm	Miếng	349.800
30	Gạc phẫu thuật ổ bụng 10cm x 10cm x 6 lớp	Miếng	989.840
31	Gạc phẫu thuật ổ bụng 30x40cmx6l cản quang	Miếng	60.000
32	Gạc thận	Miếng	70.000
33	Gạc vết thương 10cmx10cm	Miếng	100
34	Gạc đắp vết thương 6x22cm	Miếng	15.000
35	Găng khám	Đôi	792.400
36	Găng mổ tiết trùng các cỡ	Đôi	150.000
37	Găng tay dài sản	ĐÔI	3.000

38	Găng tay tử pha hóa chất	Đôi	100
39	Găng tay khám cao su không bột tan	Đôi	8.000
40	Băng hậu phẫu kiểm soát tiết dịch, thay thế không đau 5cm x 7,2cm	Miếng	3.800
41	Băng hậu phẫu kiểm soát tiết dịch, thay thế không đau 8cm x 10cm	Miếng	200
42	Băng hậu phẫu kiểm soát tiết dịch, thay thế không đau 10cm x 25cm	Miếng	8.900
43	Băng phim cố định tiêm truyền thoát khí Film 6cm x 8cm	Miếng	1.500
44	Băng thấm hút dịch kháng khuẩn 10cm x 10cm	Miếng	80
45	Băng thun cố định tự dính công nghệ cao su vi điểm 8cm x 4m	Cuộn	200
46	Băng y tế trong suốt thoát khí 2,5cm x 9,2m	Cuộn	650
47	Băng kháng khuẩn cho vết thương sâu 5cm x 200cm	Miếng	240
48	Lưới kháng khuẩn hỗ trợ tái tạo da cho vết thương hở 7,5cm x 15cm	Miếng	110
49	Bơm ăn 50ml	Cái	10.000
50	Bơm tiêm 1 ml	Cái	78.970
51	Bơm tiêm 10 ml	Cái	750.000
52	Bơm tiêm 20ml	Cái	63.700
53	Bơm Tiêm 50ml	Cái	20.000
54	Bơm Tiêm 5ml	Cái	640.000
55	Bơm tiêm có chống đông Heparin 0.6 -2ml	Cái	15.000
56	Bơm tiêm Insulin các cỡ	Cái	2.300
57	Bơm tiêm nhựa 190ml	Cái	890
58	Kim bướm các cỡ	Cái	100.000
59	Kim chích máu	Cái	50.000
60	Kim lấy thuốc các cỡ	Cái	700.000
61	Kim luồn sơ sinh 24G	Cái	30.000
62	Kim luồn tĩnh mạch các số các cỡ	Cái	174.200
63	Kim châm cứu	Cái	550.000
64	Kim châm cứu đẩy chỉ vô trùng dùng 1 lần, cán cầm bằng thép không gỉ	Cái	8.000
65	Kim chọc dò gây tê tủy sống các cỡ	Cái	6.974
66	Kim chọc hút tủy xương dùng 1 lần	Cái	250
67	Kim khâu tròn 4 A	Cái	200
68	Catheter tĩnh mạch rốn	Cái	20
69	Catheter tĩnh mạch trung tâm 1 nòng	Cái	142
70	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng	Cái	650
71	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng	Cái	700
72	Dây truyền đếm giọt	Bộ	1.500
73	Dây truyền dịch	cái	397.200
74	Dây truyền máu	Bộ	8.000
75	Dây nối bơm tiêm điện	Bộ	20.000

76	Dây nối chữ Y dùng cho bơm tiêm nhựa 190ml	Cái	500
77	Dây nối kim luồn sơ sinh	Cái	8.000
78	Dây thở ô xy 2 nhánh các cỡ	Cái	25.000
79	Rober mở khí quản 1 nòng	Cái	60
80	Rober mở khí quản 2 nòng	bộ	50
81	Ống mở khí quản 2 nòng có bóng	Cái	10
82	Ống đặt Nội khí quản không có các cỡ	Cái	1.100
83	Ống nội khí quản 2 nòng	Cái	10
84	Ống Sonde nội khí quản có các cỡ	Cái	5000
85	Sonde chữ T	Chiếc	250
86	Sonde dạ dày các cỡ	Cái	3.500
87	Sonde dạ dày trẻ em	Cái	3.500
88	Sonde Foley 2 chạc các cỡ	Cái	11.000
89	Sonde Foley 3 nhánh các cỡ	Chiếc	800
90	Sonde Petze	Cái	50
91	Sonde hút kín các cỡ	Cái	1.200
92	Canuyn mayo	Cái	900
93	Mask khí dung	Cái	5.500
94	Mask oxy	cái	1.500
95	Mask oxy có túi	Cái	500
96	Mask thở không xâm nhập	Bộ	5
97	Sonde hút dịch các cỡ (có cóp và không cóp)	Cái	10.000
98	Sonde dẫn lưu Silicon 5mm	Cái	500
99	Sonde dẫn lưu silicon 7mm	Cái	1.000
100	Van 3 khóa có dây nối	Cái	66.710
101	Van 3 khóa không dây nối	Cái	13.110
102	Túi dẽo	Cái	100
103	Túi hậu môn nhân tạo	Cái	200
104	Túi nước tiểu	Cái	15.464
105	Ăng cây tiểu 1 µl	Chiếc	1.000
106	Ăng cây tiểu 10µl	Chiếc	1.000
107	Tube lưu mẫu Cryotube	Chiếc	10.000
108	Túi zip kt 20 x 30cm	kg	5
109	Bộ bơm hút thai (1 VAN)	Bộ	15
110	Pipet nhựa	Cái	8.020
111	Pipet tự động 1000microlit	cái	2
112	Pipet tự động 100-1000microlit	cái	2
113	Đầu côn có lọc loại 1000	Cái	5.000
114	Đầu côn có lọc loại 200	Cái	5.000
115	Đầu côn vàng	Cái	21.000
116	Đầu côn xanh	Cái	10.000
117	Ống chống đông có EDTA	Ống	100.000
118	Ống fancel 50ml	Ống	3.000
119	Ống nghiệm chân không nút cao su EDTA K2	Ống	280.000
120	Ống nghiệm Heparin các cỡ	Ống	340.000
121	Ống nghiệm không chống đông có hạt Polythylen	Ống	40.000

122	Ống nghiệm nhựa chống đông Nacitra	Ống	54.200
123	Ống nghiệm nhựa có nắp	Ống	14.000
124	Ống nghiệm nhựa có nắp (đựng nước tiểu)	Ống	100.000
125	Ống nghiệm thủy tinh 80x120mm	Ống	156.000
126	Ống thủy tinh kt 25 x 200mm	Ống	200
127	Quả lọc R.O (bộ 4 quả)	Bộ	7
128	Quả lọc số 1 (lọc thô)	Quả	42
129	Que khuấy máu thủy tinh	Chiếc	800
130	Que lấy bệnh phẩm dịch ty hầu	Chiếc	2.000
131	Que tắm bông vô trùng	Cái	16.000
132	Quả số 2 (lọc tinh)	Quả	34
133	Quả số 3 (lọc tinh)	Quả	22
135	Que gỗ làm nuôi cấy	Chiếc	54.200
136	Ống pha huyền dịch vô trùng chạy trên máy Vitek	Chiếc	6.000
137	Lọ lấy đàm mucus	Cái	500
138	Lọ nhựa nắp đỏ vô trùng	Cái	3.200
138	Lọ nhựa nắp vàng	Cái	10.120
139	Cốc đựng mẫu bệnh phẩm Sample 3 ml.ps	cái	1.000
140	Cassette (GPB)	cái	10.000
141	Chổi rửa dụng cụ	cái	5
142	Chổi rửa dụng cụ nuôi cấy	cái	20
143	Chổi vệ sinh ống soi	Cái	20
144	Nền hạt	Kg	100
145	Lam kính	Hộp	174
146	Lam nhám	Hộp	300
147	Lamen 50mmx24mm	Hộp	20.000
148	Lamen 22mmx22mm	Hộp	50
149	Dầu soi kính hiển vi	Lọ	9
150	Đồng hồ hẹn giờ	cái	8
151	Giấy xi măng gói môi trường nuôi cấy	Cuộn	10
152	Giá để pipet	cái	2
153	Giấy bạc hấp môi trường	Cuộn	5
154	Hộp lồng nhựa vô trùng	Hộp	30.000
155	Lưỡi dao cắt bệnh phẩm giải phẫu bệnh	Chiếc	600
156	Giấy thấm	Gói	300
157	Giấy thấm dầu	Gói	72
158	Giấy Parafilm	Cuộn	2
159	Bơm gắn lamen	Chai	10
160	Que thử đường máu	Test	70.000
161	KIT kiểm tra nhanh dư lượng thuốc trừ sâu trong rau quả (VPR10)	Test	300
162	KIT kiểm tra nhanh hàn the (BK04)	Test	100
163	KIT kiểm tra nhanh dầu mỡ oi khét (OT04)	Test	100
164	KIT kiểm tra nhanh focmon (FT04)	Test	100
165	Bộ kiểm tra độ sạch bát đĩa (tinh bột và dầu mỡ) (CK13)	Hộp	2

166	Chỉ Nylon số 2/0	Sợi	7.000
167	Chỉ Nylon số 3/0	Sợi	3.000
168	Chỉ Nylon số 4/0	Sợi	1.000
169	Chỉ Nylon số 5/0	Sợi	1.000
170	Chỉ Nylon số 6/0	Sợi	1.000
171	Chỉ Nylon số 7/0	Sợi	72
172	Chỉ Nylon 10/0 (Mắt)	Sợi	312
173	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi số 1/0	sợi	10.000
174	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi số 2/0	sợi	2.000
175	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi số 3/0	sợi	500
176	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi số 4/0	sợi	1.000
177	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi số 5/0	sợi	500
178	Chỉ không tiêu Polypropylene 1/0	sợi	3.000
179	Chỉ không tiêu Polypropylene 3/0	sợi	150
180	Chỉ không tiêu Polypropylene 5/0	sợi	200
181	Chỉ không tiêu Polypropylene 6/0	sợi	100
182	Chỉ không tiêu Polypropylene 7/0	sợi	100
183	Chỉ không tiêu Polypropylene 8/0	sợi	50
184	Chỉ không tiêu Polypropylene 9/0	sợi	50
185	Chỉ lạnh	Cuộn	204
186	Chỉ tiêu nhanh tổng hợp đa sợi số 2/0	Sợi	5.500
187	Chỉ Catgut số 2/0	Sợi	200
188	Chỉ Catgut số 4/0	Sợi	700
189	Bôi trơn ống tủy	Tuýp	23
190	Calcium Hydroxide 10g (nha khoa)	Lọ	12
191	Cavinton (chất hàn tạm)	Hộp	22
192	Cement gắn chụp răng 1- 15g	Lọ	3
193	Cement gắn tạm Rely X tem	Hộp	2
194	Cement hàn răng (Fugi 2) 15g	Lọ	20
195	Cement hàn răng (Fugi 7) 15g	Lọ	5
196	Cement hàn răng (Fugi 9) 15g	Lọ	20
197	Châm gai lấy tủy số 21 màu đỏ	Vỉ	40
198	Châm gai lấy tủy số 21 màu trắng	Vỉ	80
199	Châm gai lấy tủy số 21 màu vàng	Vỉ	60
200	Chất gắn chốt U200	Hộp	4
201	Chất làm mềm ống tủy	Lọ	7
202	Chất lấy dầu	Túi	40
203	Chổi đánh bóng răng	Cái	350
204	Cốc đánh bóng răng	Cái	350
205	Chỉ co nướu cỡ vừa	Hộp	7
206	Giấy than mài chỉnh khớp cắn	Hộp	20
207	Eugenol suntan	Lọ	31
208	File máy	Hộp	20
209	Dung dịch chống sâu răng	Lọ	2
210	Mặt gương nha khoa	Hộp	4
211	Gutta percha thường	Hộp	210

HÀNH
ỆNH
ĐA K
IÀ Đ

212	Gutta Pine máy F1 (vàng)	Hộp	13
213	Gutta Pine máy f2 (đỏ)	Hộp	11
214	Gutta Pine máy f3(xanh)	Hộp	11
215	Kim nha khoa	Cái	10.005
216	Xi măng trám hàn răng 9 (5g)	Hộp	13
217	Xi măng trám hàn răng Plus	Hộp	10
218	Tay khoan chậm (khuỷu) hàm dưới	Cái	5
219	Tay khoan chậm thẳng hàm trên	Cái	7
220	Tay khoan nhanh	Cái	7
221	Thạch cao siêu cứng	Hộp	5
222	Composit đặc màu A 3,5	Tube	22
223	Compozit lỏng màu A2	tuyp	33
224	Côn giấy nha khoa 25	Hộp	30
225	Côn giấy nha khoa 30	Hộp	23
226	Cortisomol	Hộp	20
227	Củ tay khoan chậm	Cái	3
228	Que lèn ống tủy chiều dài 21 cỡ số 25 (đỏ)	Chiếc	20
229	Que lèn ống tủy chiều dài 21 cỡ số 30 (xanh)	Chiếc	10
230	Đầu ống hút phẫu thuật nhỏ răng	Cái	10
231	Đầu lấy cao răng	Cái	10
232	Nhộng composit A2	Con	20
233	Nhộng composit Z250	Con	2
234	Mũi chậm đánh bóng cao su dùng cho tay khuỷu	Vĩ	15
235	Mũi chậm đánh bóng đầu tròn dùng cho tay khoan thẳng	Cái	20
236	Mũi Endo Access	Mũi	50
237	Mũi Endo Z	Mũi	50
238	Mũi khoan cắt xương tay chậm	Mũi	300
239	Mũi khoan chậm đầu nhỏ <22mm hàn răng	Vĩ	13
240	Mũi khoan chậm mở xương nhỏ răng	Mũi	200
241	Mũi khoan kim cương quả trám	Chiếc	50
242	Mũi khoan kim cương tròn các cỡ	Chiếc	100
243	Mũi khoan trụ kim cương dài (đầu bằng không nhám)	Vĩ	100
244	Mũi khoan trụ kim cương nhỏ (đầu bằng không nhám)	Vĩ	100
245	Nong ống tủy các cỡ, các số 10,15,20,25,30,35, 40	Vĩ	340
246	Keo bon	Lọ	8
247	Lentulo đai đỏ (nha khoa)	Vĩ	50
248	Spongel bông xóp cầm máu	hộp	50
249	chất hàn ống tủy	tuyp	1
250	Thạch cao vàng	túi	33
251	Tăm bon	hộp	11
252	Estchinh	tuyp	10
253	Sáp lá	hộp	3
254	Sáp gói	hộp	2

255	Sâu thở	Cái	1.500
256	Ambu bóp bóng người lớn, trẻ em	Bộ	99
257	Bản cực điện tim	Cái	60.000
258	Bản cực trung tính cho dao mổ điện dùng một lần	Cái	2.000
259	Lưỡi dao mổ các số, các cỡ	Cái	15.000
260	Bao camera	Cái	3.340
261	Bao cao su	Cái	7.200
262	Bình làm ẩm và flow kế	bộ	80
263	Bộ dây máy thở dùng 1 lần	Cái	1.000
264	Bộ gây tê ngoài màng cứng	Bộ	500
265	Đầu nút kim luồn	Chiếc	4.000
266	Dây cưa sọ	Cái	50
267	Dây Garo cao su (có dính dán)	Cái	1.165
268	Dây hút cao su	Mét	1.015
269	Đề lưỡi gỗ	Cái	10.000
270	Gel bôi K-Y	Tuýp	1.300
271	Gel siêu âm	Can	224
272	Giấy điện tim 6 cần	Tập	1.610
273	Giấy điện tim máy Monitor	Tập	74
274	Giấy in monitor sản khoa (sử dụng cho máy của hãng Bitos)	Tập	200
275	Giấy in monitor sản khoa (sử dụng cho máy của hãng Philips)	Tập	300
276	Giấy siêu âm đen trắng	Cuộn	2.080
277	Hemolok các cỡ: XL, L, M..	Cái	1.100
278	Huyết áp cơ	Cái	136
279	Huyết áp trẻ em	Bộ	17
280	Kẹp cầm máu rốn sơ sinh	Cái	3.000
281	Khẩu trang y tế	Cái	160.000
282	Mask ambu	cái	50
283	Mỏ vịt	Cái	4.300
284	Mũ phẫu thuật	Cái	45.000
285	Ngáng miệng có dây đeo	Cái	100
286	Nhiệt kế tự ghi (theo dõi nhiệt độ tử vắc xin)	Cái	5
287	Nhiệt kế thủy ngân theo dõi nhiệt độ thùng vận chuyển vắc xin	Cái	10
288	Ống nghe	Chiếc	98
289	Phin lọc khuẩn HME	cái	600
290	Phin lọc vi khuẩn	Cái	500
291	Roăng Trocar loại 1	Cái	50
292	Roăng Trocar loại 2	Cái	50
293	Roăng Trocar loại 3	Cái	50
294	Roăng Trocar loại 4	Cái	50
295	Sáp sọ não	Chiếc	200
296	Tấm trải Nilon	Chiếc	1.000
297	Tay dao mổ điện	Cái	1.000

298	Vòi hút nhựa sử dụng 1 lần	Cái	2.000
299	Bộ dây và túi bơm giảm đau	Bộ	500
300	Ống thổi cho máy đo chức năng hô hấp	cái	3.000
301	filter dùng một lần cho máy đo chức năng hô hấp	cái	1.000
302	Dây silicon máy hút	Cái	1.000
303	Giấy in nhiệt	Cuộn	155
304	Giấy in nhiệt (pk mắt)	cuộn	10
305	giấy in nhiệt cho máy đo chức năng hô hấp	cuộn	20
306	Giấy in nhiệt máy xét nghiệm nước tiểu	Cuộn	80
307	Túi đóng thuốc sắc	Cuộn	160
308	Bóng đèn nội khí quản	Cái	115
309	Bóng đèn nội soi đại tràng / Tai Mũi Họng	Cái	20
310	Bóng đèn sinh hiển phẫu thuật	Cái	10
311	Bóng đèn sinh hiển vi khám bệnh	Cái	10
312	Bóng đèn tiểu phẫu (4 bóng)	Chiếc	25
313	Bóng đèn chiếu vàng da	Chiếc	52
314	Bóng đèn Halogen 24V- 150W	Chiếc	150
315	Bóng đèn hồng ngoại	Cái	60
316	Bóng đèn kính hiển vi	Chiếc	5
317	Dây cáp cho máy điện châm (Dây điện châm, dây châm cứu)	Cái	200
318	Sạc máy điện châm (Cục Adapter máy châm cứu 6 giắc KWD-808I)	Cái	50
319	Kim chọc hút cỡ 23G	Cái	500
320	Bóng đèn đặt nội khí quản sơ sinh	Bộ	1
321	Bóng đèn đặt nội khí quản trẻ em	Bộ	3
322	Bộ đặt nội khí quản người lớn, trẻ em	Bộ	9
323	Bộ chăm sóc vết thương	Bộ	50
324	Bình chứa dịch dẫn lưu màng phổi	Chiếc	160
325	Mở thông dạ dày ra da	Bộ	5
326	Bộ đo (theo dõi) huyết áp động mạch xâm lấn	Bộ	36
327	Dây máy thở dùng cho máy thở HFNC	Bộ	30
328	Bộ dây thở oxy dòng cao qua đường mũi	Bộ	100
329	Buồng tiêm truyền cấy dưới da	Bộ	50
330	Dây dẫn lưu não thất ra ngoài	Cái	50
331	Bộ dẫn lưu não thất ổ bụng	Bộ	20
332	Quả bóp cho máy điện tim 6 cần	Bộ	2
333	Quả bóng hút nhót sơ sinh	quả	150
334	Màng máy đo thính lực sơ sinh	cái	50
335	Nhiệt kế tủ lạnh bảo quản thuốc, vacxin	cái	10
336	Gạc củ ấu	gói	4.000
337	Huyết áp điện tử	Cái	18
338	Bộ kit tách chiết huyết tương giàu tiểu cầu	Kít	10
339	Tay dao lưỡng cực	Cái	10

340	Cáp cao tần lưỡng cực	Cái	4
341	Bộ dẫn lưu qua da các cỡ	Cái	108
342	Băng thun đỏ	Cuộn	2.260
343	Bộ dụng cụ lấy da, móng	Bộ	50
344	Ống thông Blakemore	Cái	5
345	Ống dẫn lưu phổi trocar các cỡ	Cái	20
346	Bộ giác hơi	Bộ	10
347	Đèn hồng ngoại	Cái	45
348	Bông cầm máu sọ não các cỡ	Gói	800
349	Nẹp đùi căng bàn chân chống xoay các cỡ	Cái	200
350	Nẹp căng bàn chân các cỡ	Cái	200
351	Nẹp cánh căng bàn tay các cỡ	Cái	240
352	Nẹp căng bàn tay các cỡ	Cái	240
353	Nẹp cổ cứng các cỡ	Cái	210
354	Áo cổ định khớp vai các cỡ	Cái	240
355	Đai số 8 các cỡ	Cái	130
356	Nẹp gối dài các cỡ	Cái	200
357	Băng thun gối các cỡ	Cái	120
358	Nẹp ngón tay	Cái	400
359	Áo cột sống các cỡ	Cái	200
360	Đai thắt lưng các cỡ	Cái	200



(MẪU BÁO GIÁ)

....., ngày.....tháng.....năm

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện đa khoa Hà Đông

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện đa khoa Hà Đông, Chúng tôi là....., có địa chỉ tại.....Chúng tôi xin gửi tới Quý Bệnh viện bản chào giá các trang thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các TBYT và dịch vụ liên quan:

Stt	Danh mục	Ký, mã, nhãn hiệu, Model, hãng sx	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1								
2								
n								



2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày thángnăm ...

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp hoặc GCN đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....Ngàytháng.....năm....

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CÔNG TY
(Ký và đóng dấu)